



**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC**
Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí VN, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 043.5378257 - Fax: 043.5378255 – Website: www.pmb.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Hà Nội, tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
Năm 2015

PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102886450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 19/8/2008 và cấp thay đổi lần 9 ngày 18/8/2015.
- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí VN, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 043.5378257
- Số fax: 043.5378255
- Website: www.pmb.vn
- Mã cổ phiếu: PMB

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc tiền thân là Chi nhánh Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí - Xí nghiệp kinh doanh phân bón Miền Bắc được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2007 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí.
- Ngày 13/08/2008, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo) ban hành Quyết định số 118/QĐ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc, Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104003870, ngày 19 tháng 08 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.
- Ngày 24/12/2010, PVFCCo đã ra quyết định số 271/QĐ-PBHC về việc chuyển Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc thành Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc. Sau khi tiến hành Đại hội cổ đông lần đầu và hoàn tất các thủ tục pháp lý, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc chính thức đi vào hoạt động từ ngày 30/01/2011 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102886450 ngày 30/01/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với mức vốn điều lệ 120.000.000.000 VNĐ (một trăm hai mươi tỷ đồng).

- Ngày 07/09/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.
- Ngày 21/9/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.
- Ngày 07/10/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc chính thức lên sàn giao dịch chứng khoán với mã cổ phiếu là PMB.

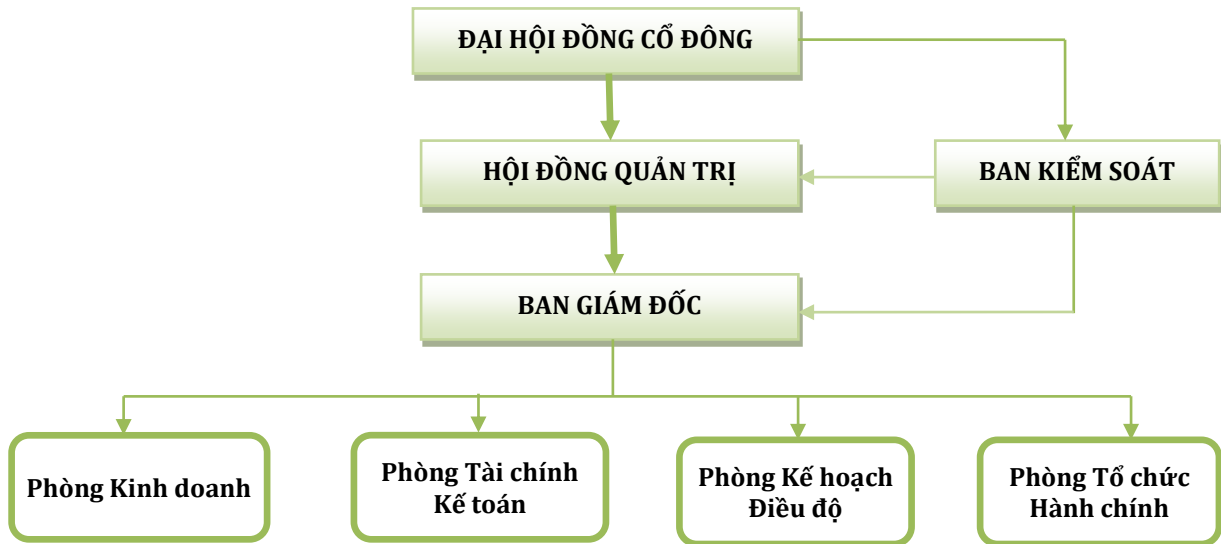
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Bán buôn phân bón (trừ loại Nhà nước cấm)
 - + Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.
 - + Bán buôn hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm hóa chất y tế, hóa chất thú y và hóa chất bảo vệ thực vật).
 - + Quảng cáo.
 - + Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
 - + Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
 - + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa.
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
 - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
 - + Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
 - + Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Địa bàn kinh doanh: Bao gồm 29 tỉnh và thành phố thuộc khu vực Miền Bắc, từ Quảng Bình trở ra phía Bắc.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- **Mô hình quản trị:**
 - Đại hội đồng cổ đông
 - Hội đồng quản trị
 - Ban Kiểm soát
 - Ban Giám đốc

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



5. Định hướng phát triển:

- **Nguyên tắc phát triển:**

- + Đổi mới - An toàn - Hiệu quả - Phát triển bền vững.
- + Tập trung kinh doanh và phân phối các sản phẩm chủ lực của PVFCCo .
- + Kiểm soát chặt chẽ quá trình kinh doanh và phân phối nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đến người sử dụng, thực hiện đúng các cam kết với khách hàng.
- + Hợp tác phát triển lâu dài với các đối tác.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Phát triển trở thành doanh nghiệp mạnh với ngành nghề chính là kinh doanh phân bón, hóa chất và các hoạt động kinh doanh khác gắn liền với định hướng dịch vụ, sản phẩm phân bón hóa chất của PVFCCo và ngành Dầu khí;
- + Cung cấp các sản phẩm phân bón đặc biệt là các sản phẩm phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ đảm bảo chất lượng, ổn định, hiệu quả cho khách hàng tại khu vực miền Bắc, giữ vững thị phần phân bón tại các vùng trọng điểm, đặc biệt là khu vực Bắc Trung Bộ và đồng bằng Sông Hồng.
- + Củng cố và xây dựng mạng lưới kinh doanh hợp lý và tối ưu. Phát triển hiệu quả kênh phân phối, đảm bảo bền vững cả về chiều rộng và chiều sâu trở thành Doanh nghiệp kinh doanh phân bón có hệ thống phân phối hàng đầu tại khu vực phía Bắc. Hệ thống kho bãi, hậu cần chuyên nghiệp và bao phủ các địa bàn trọng điểm.
- + Lấy việc nâng cao giá trị dịch vụ trong sản phẩm (công tác bán hàng, hỗ trợ bán hàng, các giải pháp kỹ thuật, các hoạt động xúc tiến thương mại, vận tải, sự sẵn có hàng hoá, phối hợp nội bộ trong PVFCCo North ...) làm công cụ cạnh tranh lâu dài và bền vững để các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ luôn là sự lựa chọn đầu tiên của người tiêu dùng trên khu vực.
- + Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Phát triển bền vững, trở thành một trong những doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón hàng đầu tại khu vực miền Bắc.

- **Các mục tiêu phát triển bền vững:**

Phát triển doanh nghiệp luôn đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro về thời tiết.
- Rủi ro về giá nông sản.
- Rủi ro thị trường (cung vượt cầu).
- Rủi ro cạnh tranh.
- Rủi ro về sự thay đổi quy định pháp luật, thay đổi chính sách đối với mặt hàng phân bón.

PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

I. Tình hình hoạt động trong năm 2015:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện năm 2015	%TH /KH 2015	%TH 2015/TH 2014
I	Các chỉ tiêu về sản lượng	Tấn	167.279,30	177.000,00	184.648,70	104%	110%
1	Đạm Phú Mỹ	Tấn	142.223,25	155.000,00	160.548,70	104%	113%
2	NPK Phú Mỹ	Tấn	2.660,00	11.000,00	5.339,55	49%	201%
3	Kaly Phú Mỹ	Tấn	5.116,05	11.000,00	18.760,45	171%	367%
4	Phân bón tự doanh	Tấn	17.280,00	-	-		0%
II	Các chỉ tiêu tài chính (đã kiểm toán)						
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	190,74	189,20	192,78	102%	101%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	147,48	137,00	158,09	115%	107%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.253,19	1.414,10	1.425,71	101%	114%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	34,10	25,55	32,45	127%	95%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26,16	19,93	25,31	127%	97%
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	9,11	6,48	9,23	142%	101%
7	Tỷ suất LNTT/VĐL	%	28%	21%	27%	129%	96%

II. Tổ chức và nhân sự:

1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Năm sinh	Tổng số cổ phần		Tỷ lệ sở hữu cổ phần
				Đại diện	Cá nhân	
1.	Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch HĐQT	1978	4.800.000		40%
2.	Nguyễn Ngọc Luận	Thành viên HĐQT, Giám đốc	1977	3.000.000		25%
3.	Nguyễn Văn Quyền	Thành viên HĐQT	1969	1.200.000		10%
4.	Trần Quốc Toàn	Thành viên HĐQT	1968			-
5.	Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên HĐQT	1971		18.000	0,15%
6.	Đào Thị Kim Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	1974		6.000	0,05%
7.	Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc	1971		8.000	0,067%
8.	Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc	1980		18.550	0,155%
9.	Trần Anh Dũng	Kế toán trưởng	1980		2.000	0,017%
10.	Phạm Như Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	1977			-
11.	Phạm Hồng Quang	Thành viên Ban Kiểm soát	1964		120.000	1,00%

2. Những thay đổi trong ban điều hành:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/không còn là thành viên HĐQT, GD
1	Trương Công Minh	Nguyên Thành viên HĐQT, Giám đốc	Thôi giữ chức vụ từ 01/8/2015
2	Nguyễn Ngọc Luận	Thành viên HĐQT, Giám đốc	Bổ nhiệm từ 01/8/2015

3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tính đến thời điểm 31/12/2015: tổng số lao động của Công ty là 58 người (trong đó lao động nữ là 28 người). 100% lao động được ký HĐLĐ theo đúng quy định của Bộ luật lao động.
- Trong năm 2015, Công ty đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Thỏa ước Lao động tập thể, chính sách nhân viên, nội quy lao động cho phù hợp với tình hình kinh doanh, mô hình quản lý của công ty cổ phần niêm yết. Các chính sách đang thực hiện đã thể hiện sự quan tâm cao của Công ty đến lợi ích chính đáng của người lao động nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Năm 2015, Công ty không đầu tư và thực hiện dự án nào.

IV. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài chính:

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ tăng (giảm)
Tổng tài sản	190,74	192,78	+1,01%
Doanh thu thuần	1.245,77	1.422,90	+14,21%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29,46	32,31	+9,67%
Lợi nhuận trước thuế	34,10	32,45	-4,84%
Lợi nhuận sau thuế	26,16	25,18	-3,75%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	17%	12% (dự kiến)	

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	2014	2015
- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,74	4,81
Hệ số thanh toán nhanh	2,80	3,32
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	18%	23%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	22%	29%
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	24,36	28,99
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	6,53	7,38
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	2,1%	1,8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17,74%	15,93%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	13,72%	13,06%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2,36%	2,27%

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

1. Cổ phần:

Công ty hiện đang lưu hành 12.000.000 cổ phần phổ thông. Trong đó có 2.827.450 cổ phần là cổ phần chuyên nhượng tự do và 9.172.550 cổ phần là cổ phần hạn chế chuyên nhượng.

2. Cơ cấu cổ đông:

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 03/3/2016, tổng số cổ phần đang lưu hành là 12.000.000 cổ phần, trong đó có 01 cổ đông lớn là PVFCCo chiếm 75%, còn lại là các cổ đông nhỏ lẻ.

Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần
1	Trong nước	
	Cổ đông lớn (PVFCCo)	75%
	Các tổ chức khác	19,5%
	Cá nhân	4,8%
2	Nước ngoài	
	Tổ chức	0,7%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2015, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

1. Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Là công ty chuyên kinh doanh và phân phối nên lượng rác thải và sử dụng năng lượng và tài nguyên nước là không nhiều. Đồng thời Công ty cũng luôn có các chính sách và hoạt động nhằm quản lý, sử dụng một cách hiệu quả các nguồn nguyên vật liệu, tài nguyên, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phổ biến, triển khai đến các đơn vị; đồng thời thường xuyên tổ chức rà soát, cập nhật các quy trình/quy định về ATSKMT-CL để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế phát sinh.
- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động trong công tác môi trường, thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, hàng hóa, giữ môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn tài nguyên, chi phí của công ty.

- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ 6 tháng/lần, bảo đảm môi trường làm việc tốt nhất cho CBNV.
- Công tác quản lý chất thải được tuân thủ đúng và đầy đủ theo yêu cầu của pháp luật: bố trí kho chứa chất thải nguy hại, phân loại và thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại để chờ xử lý.

3. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Công ty xây dựng thang lương, bảng lương, định biên, định mức lao động, đơn giá tiền lương theo đúng nguyên tắc và quy định của pháp luật, Tập đoàn và Tổng công ty. Việc trả lương, thưởng được thực hiện đúng theo quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi của Công ty.
- Công ty xây dựng kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động, kế hoạch huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh lao động; đảm bảo cung cấp các trang thiết bị BHLĐ cho các cá nhân làm việc theo đúng quy định. Thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên và CBNV làm việc thường xuyên tại các kho, cảng.
- Định kỳ Công ty đã thực hiện quan trắc, phân tích môi trường làm việc tại các kho cảng, văn phòng Công ty nhằm theo dõi thường xuyên chất lượng môi trường, đảm bảo điều kiện làm việc và làm căn cứ xây dựng chế độ bồi dưỡng cho CBNV thường xuyên, trực tiếp làm việc tại các kho của Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe cho CBNV nhằm phát hiện bệnh nghề nghiệp hoặc các loại bệnh khác để có biện pháp chữa trị, thông báo, kiểm tra chuyên sâu kịp thời cho CBNV theo quy định.
- Công tác đào tạo luôn được Công ty quan tâm với chủ trương đầu tư một cách có hiệu quả cho nguồn nhân lực để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Công tác đào tạo nội bộ đã được nâng cao về cả số lượng và chất lượng.

4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Tích cực triển khai nhiều chương trình an sinh xã hội tại khu vực Công ty phụ trách như: Tết vì người nghèo, cứu trợ bão lũ, hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam, học bổng cho học sinh nghèo vượt khó....
- Tổ chức gây dựng và đóng góp Quỹ tương thân tương ái của Công ty nhằm chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.
- Hoạt động thăm hỏi và tặng quà các gia đình chính sách, các trung tâm bảo trợ xã hội ... luôn được quan tâm và tổ chức một cách định kỳ.

PHẦN III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

Năm 2015, Ban Giám đốc (BGĐ) Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của công ty trên cơ sở định hướng, kế hoạch phát triển công ty được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Hội đồng quản trị (HĐQT) thông qua. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BGĐ đã phát huy hết năng lực, tinh thần trách nhiệm, tìm kiếm và đưa ra các giải pháp kịp thời, đúng đắn, giúp công ty hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu đề ra, đồng thời đảm bảo ổn định đời sống tinh thần, thu nhập cho CBNV.

II. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài sản:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2015		31/12/2014		Tăng, giảm [3]=[1] -[2]	Tăng, giảm (%) [4] =[3]/[2]
			Số tiền [1]	Tỷ trọng (%)	Số tiền [2]	Tỷ trọng (%)		
1	Tổng tài sản ngắn hạn	Tỷ đ	166,80	87%	161,63	84,7%	5,17	3,2%
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	”	103,54	54%	87,46	45,9%	16,07	18,4%
1.2	Các khoản phải thu ngắn hạn	”	11,32	6%	33,29	17,5%	(21,97)	-66,0%
1.3	Hàng tồn kho	”	51,47	27%	40,29	21,1%	11,18	27,7%
1.4	Tài sản ngắn hạn khác	”	0,47	0%	0,58	0,3%	(0,11)	-19,5%
2	Tổng tài sản dài hạn	Tỷ đ	25,99	13%	29,11	15,3%	(3,12)	-10,7%
2.1	Tài sản cố định	”	20,19	10%	21,43	11,2%	(1,25)	-5,8%
2.2	Tài sản dài hạn khác	”	5,80	3%	7,68	4,0%	(1,88)	-24,5%
	Tổng tài sản	Tỷ đ	192,78		190,74		2,04	1,1%

Tính đến ngày 31/12/2015: Tổng tài sản của công ty là 192,78 tỷ đồng tăng 1,1% so với năm 2014. Kết cấu tài sản của công ty nghiêng về tài sản ngắn hạn (chiếm tỷ lệ 87%/tổng tài sản). Trong khi tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng thấp (chiếm 13%/tổng tài sản)

Hàng tồn kho tính đến 31/12/2015 tăng 27,7% so với năm 2014, chiếm tỷ lệ 27% trên tổng tài sản, phù hợp với doanh nghiệp kinh doanh hàng phân bón. Việc mở rộng quy mô dự trữ hàng tồn kho phù hợp với tình hình kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

Trị giá các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm 2015 là 11,32 tỷ đồng, giảm 66 % so với đầu năm. Các khoản phải thu ngày càng có xu hướng giảm là điều có lợi cho Công ty, nó sẽ làm tăng hiệu quả sử dụng vốn nói chung và tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động nói riêng. Việc theo dõi thu hồi công nợ được tiến hành thường xuyên và chặt chẽ. Công ty không có các khoản phải thu dài hạn. Trong năm 2015 Công ty không phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi, nợ mất khả năng thanh toán.

2. Tình hình nợ phải trả:

STT	Chi tiêu	ĐVT	31/12/2015		31/12/2014		Tăng, giảm	Tăng/gi ảm (%)
			Số tiền [1]	Tỷ trọng (%)	Số tiền [2]	Tỷ trọng (%)	[3]=[1]-[2]	[4]=[3]/[2]
1.	Tổng nguồn vốn	Tỷ đ	192,78		190,74		2,04	1,1%
2.	Các khoản nợ phải trả ngắn hạn Trong đó:	Tỷ đ	34,70	18%	43,26	23%	(8,56)	-19,8%
2.1	Phải trả cho người bán	”	9,15	5%	15,98	8%	(6,82)	-42,7%
2.2	Người mua trả tiền trước	”	9,66	5%	9,14	5%	0,52	5,7%
2.3	Các khoản phải trả khác	”	15,89	8%	18,15	10%	(2,26)	-12,4%
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đ	158,09	82%	147,48	77%	10,60	7,2%

Tương ứng với sự gia tăng của tài sản là sự gia tăng của nguồn vốn. Tổng nguồn vốn năm 2015 tăng 2,04 tỷ đồng tương ứng mức tăng 1,1% so với năm 2014. Trong kết cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm 18% trên tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm 82% trên tổng nguồn vốn năm 2015.

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Thực hiện tái cấu trúc toàn diện về tổ chức, bộ máy quản lý, cơ cấu vốn, nhân lực. Đồng thời, Công ty đã thực hiện việc niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn GDCK Hà Nội vào ngày 07/10/2015.
- Tổ chức và vận dụng có hiệu quả các buổi hội thảo, đào tạo nội bộ để CBNV có điều kiện phát huy tính sáng tạo, đổi mới trong mỗi chuyên đề/hoạt động; Kịp thời khen thưởng, động viên cho những ý tưởng có tính khả thi cao.
- Các chính sách bán hàng thường xuyên được cập nhật và cải tiến theo hướng làm tăng tính chủ động trong công tác kinh doanh đối với các nhà phân phối. Phát triển các giải pháp bán hàng phù hợp trong bối cảnh lượng giao dịch tăng lên trong khi đơn hàng cho mỗi giao dịch giảm đi - để đảm bảo hiệu quả, chính xác. Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ bán hàng để kích thích các cửa hàng cấp 2 tiêu thụ các sản phẩm phân bón Phú Mỹ; Nghiên cứu và hoàn thiện bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ phù hợp với nhu cầu, thị trường và từng loại cây trồng chủ lực.
- Tiếp tục tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại trên cả 2 cấp, Tổng Công ty và Công ty, đảm bảo gắn kết giữa quảng cáo, xúc tiến thương mại và bán hàng.
- Hoàn thiện bộ máy tổ chức Công ty cổ phần nhằm phát huy các thế mạnh hiện có của công ty và các cổ đông đặc biệt là hệ thống phân phối, kinh nghiệm kinh doanh phân bón; nâng cao hiệu quả, phát huy tính làm chủ của người lao động, gắn kết giữa các thành viên trong hệ thống.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Để vượt qua thách thức và đảm bảo các mục tiêu phát triển, Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2016, đồng thời bám sát chiến lược phát triển của Công ty để thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo. Công ty xác định và đặt ra một số giải pháp kế hoạch để phát triển như sau:

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch, dự báo sát với thực tế và bám sát kế hoạch để thực hiện.
- Tiếp tục cải tiến, điều chỉnh các chính sách bán hàng phù hợp, linh hoạt với tình hình mới, nhằm kích thích hệ thống Đại lý/Cửa hàng trong việc tiêu thụ các sản phẩm thương hiệu Phú Mỹ.
- Sàng lọc và phát triển hệ thống phân phối, làm tốt công tác phân vùng thị trường, hạn chế sự chồng chéo trong hệ thống phân phối. Mục tiêu tăng độ bao phủ của sản phẩm tại những thị trường trọng điểm. Xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống kênh phân phối làm công cụ đảm bảo cho sự phát triển bền vững, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, có hệ thống phân phối hàng đầu khu vực phía Bắc trong lĩnh vực kinh doanh phân bón.
- Lấy việc nâng cao giá trị dịch vụ trong sản phẩm (công tác bán hàng, hỗ trợ bán, các giải pháp kỹ thuật, các hoạt động xúc tiến thương mại, vận tải, sự sẵn có hàng hoá, phối hợp nội bộ trong Công ty miền Bắc ...) làm công cụ cạnh tranh lâu dài và bền vững.
- Tăng cường công tác hậu cần. Xây dựng phương án hậu cần cụ thể cho từng vùng nhằm mục tiêu đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường. Hạn chế tình trạng thừa, thiếu hàng cục bộ.
- Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ phù hợp với yêu cầu, thị trường và từng loại cây trồng chủ lực tại khu vực; Ưu tiên phát triển những dòng sản phẩm NPK chuyên dụng có chất lượng nhằm gia tăng sản lượng thị phần cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh cho hệ thống.
- Tiếp tục rà soát chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các đơn vị, hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc để tiêu chuẩn hóa các yêu cầu chuyên môn, kỹ năng đối với từng vị trí chức danh công việc, đảm bảo tối ưu hóa nguồn nhân lực hiện có.
- Thực hiện các hoạt động quảng cáo gián tiếp thông qua các chương trình an sinh xã hội với mục tiêu xây dựng hình ảnh phân bón Phú Mỹ cũng như thực hiện các chính sách kéo (phối hợp với hệ thống khuyến nông, trồng trọt cấp tỉnh, huyện, xã) lấy sức ép từ người tiêu dùng với hệ thống phân phối làm công cụ tăng lượng hàng bán ra.
- Tăng cường công tác quản lý và sử dụng vốn, xây dựng và kiểm soát chặt chẽ định mức hàng tồn kho, công nợ phải thu, phải trả. Tăng cường các biện pháp kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính.
- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, triển khai áp dụng mô hình 5S trong toàn Công ty.

V. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định. Định kỳ thực hiện các báo cáo về công tác an toàn - sức khỏe - môi trường cho Công ty mẹ và các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.
- Công tác an sinh xã hội cũng được Công ty luôn quan tâm, chú trọng nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng tại địa phương.

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Mặc dù trong năm 2015, Công ty gặp nhiều khó khăn nhưng với quyết tâm và chỉ đạo sâu sát, HĐQT nhận thấy Ban Điều hành đã hết sức nỗ lực cố gắng, lãnh đạo, chỉ đạo và cùng với CBNV Công ty thực hiện tốt các nhiệm vụ kế hoạch được giao. Cụ thể:

- Bám sát nhiệm vụ kế hoạch của năm, tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015.
- Giữ vững thị phần Ure Phú Mỹ tại khu vực và dần củng cố, hoàn thiện mạng lưới phân phối tại khu vực miền Bắc.
- Xây dựng thành công thương hiệu phân bón Phú Mỹ và được người tiêu dùng, bà con nông dân tại khu vực yêu thích, tin dùng. Chú trọng phát triển, quan tâm, chăm sóc cửa hàng cấp 2 tạo kênh phân phối xuyên suốt từ Công ty đến bà con nông dân.
- Tổ chức rà soát, xây dựng phương án bố trí sắp xếp nhân sự, cơ cấu lại tỷ lệ lao động trực tiếp và gián tiếp.
- Thực hiện tốt các chương trình tiếp thị truyền thông; An sinh xã hội; Công tác chăm sóc khách hàng; Các hội thảo bán hàng trực tiếp; Các hội nghị tập huấn về nông nghiệp...
- Công tác quản lý và sử dụng vốn, đặc biệt là công tác quản lý công nợ được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn về tài chính.
- Công tác an toàn luôn được Công ty quan tâm và đặt lên hàng đầu. Trong năm 2015, Công ty không để xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh. Công tác an ninh, phòng chống cháy nổ luôn được chú trọng.
- Luôn thực hiện đầy đủ các yêu cầu của pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường, cụ thể: quan trắc môi trường định kỳ 2 lần/năm tại các kho trực thuộc; đo kiểm tra chất lượng môi trường lao động tại các đơn vị trực thuộc 1 lần/năm. Các chỉ số đo trong thời gian qua đều nằm trong các giới hạn cho phép.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty:

Kết thúc năm 2015, HĐQT đánh giá BGD đã có những nỗ lực rất lớn và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, triển khai tốt các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2016 do ĐHĐCĐ thông qua.
- Chỉ đạo công tác kinh doanh trong điều kiện thị trường cạnh tranh gay gắt. Bảo vệ và phát triển uy tín, thương hiệu Công ty.

- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, kinh doanh đa dạng hóa sản phẩm.
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác khi ĐHĐCĐ giao.
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016.

PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch HĐQT	4.800.000		4.800.000
2	Nguyễn Ngọc Luận	Thành viên HĐQT, Giám đốc	3.000.000		3.000.000
3	Nguyễn Văn Quyền	Thành viên HĐQT	1.200.000		1.200.000
4	Trần Quốc Toàn	Thành viên HĐQT			-
5	Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên HĐQT		18.000	18.000

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự mở rộng tham gia dự của Ban Kiểm soát.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty và luật Doanh nghiệp.
- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, HĐQT Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với BGD trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chính vì vậy mà mặc dù trong điều kiện gặp nhiều khó khăn, xong Công ty vẫn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty.

3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty không thành lập tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho từng thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

4. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Dung - Chủ tịch HĐQT.
- Ông Nguyễn Ngọc Luận - Thành viên HĐQT, Giám đốc.
- Ông Nguyễn Văn Quyền - Thành viên HĐQT.
- Bà Hoàng Thị Thu Hằng - Thành viên HĐQT.

II. Ban Kiểm soát:

1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Đào Thị Kim Anh	Trưởng ban		6.000	6.000
2	Phạm Như Hồng	Thành viên			-
3	Phạm Hồng Quang	Thành viên		120.000	120.000

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2015, Ban Kiểm soát Công ty đã tổ chức họp 04 lần để thống nhất thông qua các hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát với các nội dung chủ yếu:

- Giám sát việc chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015 và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính và đầu tư của HĐQT, BGĐ Công ty năm 2015.
- Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình ra quyết định và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế/quy định quản lý hiện hành.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm; Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo công tác quản lý hàng tháng.
- Kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng của Tổng Công ty thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty:

BGĐ đã tổ chức, điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015. Kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty đã đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao, bảo toàn và sử dụng hiệu quả vốn của chủ sở hữu, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, các chỉ tiêu tài chính vượt kế hoạch, đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm.
- BGĐ đã thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết nghị của HĐQT. Việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp và quy định của pháp luật phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ, mang lại lợi ích cho cổ đông.
- Ban Kiểm soát nhận thấy báo cáo của HĐQT, báo cáo của Giám đốc Công ty đã phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty. Hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và BGĐ bám sát nghị quyết và kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua, mang lại lợi ích cho cổ đông. Quá trình ra quyết định, của HĐQT và BGĐ đã tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty, quy định pháp luật và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.

5. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn và pháp luật.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm. Thẩm định báo cáo quản lý, điều hành của HĐQT và BGD.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016.
- Kiểm tra việc trích lập và sử dụng các quỹ.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, BGD, họp sơ kết, tổng kết và hội nghị chuyên đề của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác tuyển dụng lao động, bổ nhiệm cán bộ và việc thực hiện các chế độ, chính sách với người lao động.
- Kiểm tra, giám sát công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Kết hợp với Ban Kiểm toán nội bộ và các ban chức năng của Tổng công ty thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. Báo cáo tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

1. Chi tiết tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

STT	Chức danh	Tiền lương- thù lao	Tiền thưởng- phúc lợi- lợi ích khác	Tổng thu nhập (triệu đồng)	Ghi chú
I.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1.552.813.000	718.238.193	2.271.051.193	
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	716.871.000	302.852.099	1.019.723.099	
2	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	691.942.000	311.775.814	1.003.717.814	
3	Thành viên HĐQT	48.000.000	34.536.760	82.536.760	
4	Thành viên HĐQT	48.000.000	34.536.760	82.536.760	
5	Thành viên HĐQT	48.000.000	34.536.760	82.536.760	
II	BAN KIỂM SOÁT	102.000.000	63.317.394	165.317.394	
1	Trưởng Ban Kiểm soát	42.000.000	28.780.634	70.780.634	
2	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	17.268.380	47.268.380	
3	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	17.268.380	47.268.380	
III	BAN GIÁM ĐỐC	1.111.094.000	456.090.077	1.567.184.077	
1	Phó Giám đốc	584.342.000	238.608.900	822.950.900	
2	Phó Giám đốc	526.752.000	217.481.177	744.233.177	
CỘNG				4.003.552.664	

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có.

3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

HĐQT đã áp dụng và thực hiện các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và đạt các chỉ tiêu kế hoạch.

PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán (tài liệu đính kèm).
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (tài liệu đính kèm).

Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc kính báo cáo.
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để B/c);
- Phó GD (để biết);
- Lưu: VT, KBD.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Luận

Deloitte.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Luận	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2015)
Ông Trương Công Minh	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2015)
Ông Trần Quốc Toàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Quyền	Ủy viên
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Luận	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2015)
Ông Trương Công Minh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2015)
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2016

Số: 323 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2016, từ trang 3 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 02 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.797.315.388	161.631.036.122
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	103.536.737.376	87.464.657.705
1. Tiền	111		16.036.737.376	19.464.657.705
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.500.000.000	68.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.322.662.648	33.293.330.517
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.200.343.752	2.337.404.066
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.907.788.000	30.878.470.020
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		214.530.896	77.456.431
III. Hàng tồn kho	140	8	51.471.278.753	40.293.349.975
1. Hàng tồn kho	141		51.471.281.753	40.293.349.975
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.000)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		466.636.611	579.697.925
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		326.644.281	146.204.333
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		139.992.330	433.493.592
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.985.979.033	29.110.670.163
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		112.374.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		112.374.000	-
II. Tài sản cố định	220		20.188.340.323	21.433.387.444
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	20.188.340.323	21.421.508.062
- Nguyên giá	222		34.571.219.556	33.231.714.647
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.382.879.233)	(11.810.206.585)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	11.879.382
- Nguyên giá	228		48.670.000	48.670.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.670.000)	(36.790.618)
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.685.264.710	7.677.282.719
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.827.273.828	5.241.588.455
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	1.857.990.882	2.435.694.264
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		192.783.294.421	190.741.706.285

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		34.698.017.487	43.258.989.262
I. Nợ ngắn hạn	310		34.698.017.487	43.258.989.262
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.153.572.788	15.977.138.308
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	9.655.681.822	9.135.019.177
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.949.685.412	4.080.491.933
4. Phải trả người lao động	314		322.893.541	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.855.568.049	3.229.312.033
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	6.861.447.285	7.944.069.612
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.899.168.590	2.892.958.199
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.085.276.934	147.482.717.023
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	158.085.276.934	147.482.717.023
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.999.025.750	8.999.025.750
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.086.251.184	18.483.691.273
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.683.691.273	7.155.048.992
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.402.559.911	11.328.642.281
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		192.783.294.421	190.741.706.285

Handwritten signature

Nguyễn Tiên Hưng
 Người lập biểu

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Handwritten signature
 Trần Anh Dũng
 Kế toán trưởng

Handwritten signature
 Nguyễn Ngọc Luận
 Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

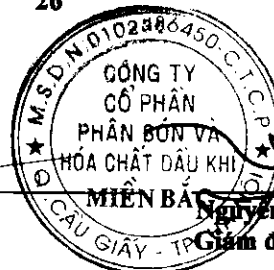
MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	
			Năm 2015	(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.440.839.127.676	1.261.354.989.389
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		17.936.493.882	15.583.390.517
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	1.422.902.633.794	1.245.771.598.872
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	1.348.456.342.451	1.177.391.125.507
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		74.446.291.343	68.380.473.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.671.608.604	2.776.840.337
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	28.552.092.843	26.514.105.567
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	16.254.614.108	15.181.766.723
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		32.311.192.996	29.461.441.412
11. Thu nhập khác	31	23	136.728.000	4.639.826.495
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		136.728.000	4.639.826.495
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.447.920.996	34.101.267.907
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	6.690.735.366	10.376.159.319
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		577.703.382	(2.435.694.264)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25.179.482.248	26.160.802.852
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.784	1.853

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	32.447.920.996	34.101.267.907
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.704.361.121	2.650.249.853
Các khoản dự phòng	03	3.000	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.674.608.604)	(2.776.840.337)
Các khoản điều chỉnh khác	07	(128.128.000)	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	32.349.548.513	33.974.677.423
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	22.287.747.034	(26.890.477.909)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(11.177.931.778)	14.960.289.527
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.449.029.820)	(21.406.308.172)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	1.233.874.679	(2.668.534.256)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.808.887.712)	(7.579.913.881)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.770.711.946)	(5.340.806.686)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	25.664.608.970	(14.950.573.954)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.331.186.000)	(1.138.067.394)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.535.656.701	2.722.717.239
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	1.207.470.701	1.584.649.845
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.800.000.000)	(21.600.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(10.800.000.000)	(21.600.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	16.072.079.671	(34.965.924.109)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	87.464.657.705	122.430.581.814
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	103.536.737.376	87.464.657.705

Nguyễn Tiên Hưng
 Người lập biểu

Trần Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Luận
 Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (“Công ty”), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 (cấp lần đầu ngày 19 tháng 8 năm 2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 ngày 19 tháng 8 năm 2008, thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 07 tháng 10 năm 2015 với mã chứng khoán là PMB.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 58 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 52 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Bán buôn phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán lẻ hàng hóa phân bón (trừ loại Nhà nước cấm), hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Quảng cáo; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Máy móc, thiết bị	4
Tài sản cố định khác	4

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền trang web, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

12500
NG TY
HIỆM HỮU
OITT
NAN
- TP

thw

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng cho nhiều năm đã được thanh toán cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



th

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

H H V

thw

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	114.278.379	82.816.165
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.922.458.997	19.381.841.540
Các khoản tương đương tiền (*)	87.500.000.000	68.000.000.000
	<u>103.536.737.376</u>	<u>87.464.657.705</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,9%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	2.180.472.076	2.337.404.066
Các khách hàng khác	19.871.676	-
	<u>2.200.343.752</u>	<u>2.337.404.066</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	8.907.788.000	30.878.470.020
	<u>8.907.788.000</u>	<u>30.878.470.020</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	7.407.925.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	160.721.268	-	19.140.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.285.121	-	-	-
Hàng hoá	43.883.350.364	(3.000)	40.274.209.975	-
Cộng	<u>51.471.281.753</u>	<u>(3.000)</u>	<u>40.293.349.975</u>	-

th

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	28.077.312.198	-	2.714.643.617	1.896.465.632	543.293.200	33.231.714.647
Mua sắm mới	-	-	1.256.100.000	75.086.000	-	1.331.186.000
Tăng khác	-	128.128.000	-	-	-	128.128.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(119.809.091)	-	(119.809.091)
Tại ngày 31/12/2015	28.077.312.198	128.128.000	3.970.743.617	1.851.742.541	543.293.200	34.571.219.556
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	8.321.563.955	-	1.843.129.607	1.611.278.110	34.234.913	11.810.206.585
Trích khấu hao trong năm	1.975.574.824	-	470.346.286	110.737.329	135.823.300	2.692.481.739
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(119.809.091)	-	(119.809.091)
Tại ngày 31/12/2015	10.297.138.779	-	2.313.475.893	1.602.206.348	170.058.213	14.382.879.233
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	17.780.173.419	128.128.000	1.657.267.724	249.536.193	373.234.987	20.188.340.323
Tại ngày 01/01/2015	19.755.748.243	-	871.514.010	285.187.522	509.058.287	21.421.508.062

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.116.354.578 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.962.763.669 đồng).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	2.961.110.700	4.935.184.500
Chi phí trả trước dài hạn khác	866.163.128	306.403.955
	3.827.273.828	5.241.588.455

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn	Chiết khấu thương mại tạm tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	710.448.647	1.725.245.617	2.435.694.264
Hoàn nhập thu nhập thuế thu nhập hoãn lại năm trước	(710.448.647)	(1.725.245.617)	(2.435.694.264)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trong năm	628.224.971	1.229.765.911	1.857.990.882
Tại ngày 31/12/2015	628.224.971	1.229.765.911	1.857.990.882

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	7.283.858.969	15.357.836.148
Các nhà cung cấp khác	1.869.713.819	619.302.160
	<u>9.153.572.788</u>	<u>15.977.138.308</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Mỹ	3.186.100.001	4.389.867.000
Công ty Cổ phần Phân bón Phú Quý	2.607.488.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quyết Hiên	2.063.088.000	-
Xí nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng hợp đường 8 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	-	3.496.332.500
Các khách hàng khác	1.799.005.821	1.248.819.677
	<u>9.655.681.822</u>	<u>9.135.019.177</u>
Người mua là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	1.389.410.723	894.096.903

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp	Phát sinh trong năm		Phải nộp
	<u>01/01/2015</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.921.886.758	6.690.735.366	7.808.887.712	2.803.734.412
Thuế thu nhập cá nhân	158.605.175	1.429.797.967	1.442.452.142	145.951.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>4.080.491.933</u>	<u>8.123.533.333</u>	<u>9.254.339.854</u>	<u>2.949.685.412</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả cán bộ nhân viên Công ty	2.760.662.108	3.104.749.131
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	62.865.000	62.865.000
Viện Dầu khí Việt Nam	18.000.000	61.697.902
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	12.251.021	-
Bảo hiểm xã hội Quận Cầu Giấy	1.789.920	-
	<u>2.855.568.049</u>	<u>3.229.312.033</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Chiết khấu thương mại	5.589.845.049	7.842.025.530
Kinh phí công đoàn	36.244.360	32.754.364
Phải trả ngắn hạn khác	1.235.357.876	69.289.718
	6.861.447.285	7.944.069.612

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	120.000.000.000	4.297.277.832	3.393.707.775	19.155.048.992	146.846.034.599
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	26.160.802.852	26.160.802.852
Trích quỹ	-	-	1.308.040.143	(5.232.160.571)	(3.924.120.428)
Trả cổ tức	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	120.000.000.000	4.297.277.832	4.701.747.918	18.483.691.273	147.482.717.023
Phân loại lại theo Thông tư 200/2014	-	4.701.747.918	(4.701.747.918)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	120.000.000.000	8.999.025.750	-	18.483.691.273	147.482.717.023
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	25.179.482.248	25.179.482.248
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(3.776.922.337)	(3.776.922.337)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	120.000.000.000	8.999.025.750	-	29.086.251.184	158.085.276.934

(i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 10/NQ-ĐHCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2015, cổ tức năm 2014 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 20.400.000.000 đồng. Năm 2014, Công ty đã tạm chia cho các cổ đông 9.600.000.000 đồng, phần còn lại 10.800.000.000 đồng đã được chi trả bằng tiền trong năm 2015.

Ngoài ra, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 15% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	90.000.000.000	75,00%	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty TNHH Toàn Xuân	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Hồng Thành	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Bằng Tuyên	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Các cổ đông khác	12.000.000.000	10,00%	12.000.000.000	12.000.000.000
	120.000.000.000	100%	120.000.000.000	120.000.000.000

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 19 và số 20.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	1.226.488.189.000	1.090.493.169.986
Doanh thu hàng hóa khác	195.507.643.902	156.279.428.797
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.843.294.773	14.582.390.606
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.440.839.127.676	1.261.354.989.389
Chiết khấu thương mại	(17.936.493.882)	(15.583.390.517)
	1.422.902.633.794	1.245.771.598.872
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	445.458.220.856	385.859.642.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	1.141.847.455.882	1.012.013.139.309
Giá vốn hàng hóa khác	188.318.491.217	151.711.615.952
Giá vốn cung cấp dịch vụ	18.290.395.352	13.666.370.246
	<u>1.348.456.342.451</u>	<u>1.177.391.125.507</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	17.085.757.133	15.353.761.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.704.361.121	2.650.249.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.991.722.236	20.932.453.675
Chi phí khác bằng tiền	4.092.185.533	4.064.319.447
	<u>61.874.026.023</u>	<u>43.000.784.368</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu phản ánh khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng phát sinh trong năm tại các ngân hàng thương mại.

23. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập từ chiết khấu	-	4.376.976.217
Thu từ thanh lý	3.000.000	-
Tài sản được khuyến mại từ Tổng Công ty	128.128.000	-
Khác	5.600.000	262.850.278
	<u>136.728.000</u>	<u>4.639.826.495</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	9.375.023.966	7.405.862.795
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	63.363.891	154.481.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.180.703.585	2.031.596.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.518.816.854	15.221.083.372
Chi phí bằng tiền khác	1.414.184.547	1.701.081.298
	<u>28.552.092.843</u>	<u>26.514.105.567</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	7.710.733.167	7.947.898.598
Chi phí đồ dùng văn phòng	228.094.576	371.362.139
Chi phí khấu hao TSCĐ	523.657.536	618.653.387
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.405.586.310	4.406.458.224
Chi phí bằng tiền khác	2.383.542.519	1.834.394.375
	<u>16.254.614.108</u>	<u>15.181.766.723</u>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	32.447.920.996	34.101.267.907
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	508.536.950	767.625.834
Chi phí chiết khấu và chi phí trích trước	8.445.413.098	11.071.337.563
Trừ: Thu nhập không tính thuế	-	4.595.379.475
Chi phí chiết khấu tạm tính và chi phí trích trước năm trước đã đủ điều kiện ghi nhận năm nay	11.071.337.563	-
Thu nhập chịu thuế	30.330.533.481	41.344.851.829
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.672.717.366	9.095.867.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung	18.018.000	1.280.291.917
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.690.735.366	10.376.159.319

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.179.482.248	26.160.802.852
- Tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(3.776.922.337)	(3.924.120.428)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.402.559.911	22.236.682.424
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.784	1.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.974.073.800	2.378.798.712

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.974.073.800	1.974.073.800
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	987.036.900	2.961.110.700
	2.961.110.700	4.935.184.500

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện chi phí thuê văn phòng theo Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VDKVN/PVFCO North ký ngày 10 tháng 6 năm 2011 và Phụ lục Hợp đồng số 2 ngày 14 tháng 5 năm 2014 về việc gia hạn thời gian thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.536.737.376	87.464.657.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.527.248.648	2.414.860.497
Tổng cộng	106.063.986.024	89.879.518.202
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	15.978.775.713	23.888.453.556
Chi phí phải trả	94.905.941	155.562.902
Tổng cộng	16.073.681.654	24.044.016.458



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.536.737.376	-	-	103.536.737.376
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.414.874.648	112.374.000	-	2.527.248.648
Tổng cộng	105.951.612.024	112.374.000	-	106.063.986.024
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	15.978.775.713	-	-	15.978.775.713
Chi phí phải trả	94.905.941	-	-	94.905.941
Tổng cộng	16.073.681.654	-	-	16.073.681.654
Chênh lệch thanh khoản thuần	89.877.930.370	112.374.000	-	89.990.304.370
31/12/2014 (Trình bày lại)	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.464.657.705	-	-	87.464.657.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.414.860.497	-	-	2.414.860.497
Tổng cộng	89.879.518.202	-	-	89.879.518.202
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	23.888.453.556	-	-	23.888.453.556
Chi phí phải trả	155.562.902	-	-	155.562.902
Tổng cộng	24.044.016.458	-	-	24.044.016.458
Chênh lệch thanh khoản thuần	65.835.501.744	-	-	65.835.501.744

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty TNHH Toàn Xuân	Công ty mẹ Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Hồng Thành	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Bằng Tuyên	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	Cổ đông của Công ty
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hoá	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14.404.932.311	13.482.178.559
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.100.376.570	784.943.376
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	3.634.500.000	8.950.009.524
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	9.965.000.000	18.196.761.905
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	3.820.000.000	14.313.333.336
Công ty TNHH Toàn Xuân	14.802.750.000	28.621.710.481
Công ty TNHH Hồng Thành	64.823.930.500	52.905.207.624
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	26.132.484.000	46.502.361.891
Công ty TNHH Bằng Tuyên	32.986.700.000	36.738.529.146
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	55.788.165.000	55.128.161.909
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	57.572.030.000	50.503.859.505
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	34.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	122.827.352.475	59.732.584.947

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.128.119.069.980	1.002.671.240.778
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	214.183.810.781	56.726.662.080
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	358.063.313	321.189.442
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	535.999.600	928.756.457
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Văn	-	49.687.307.474
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hoá	-	1.393.161.784
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	434.678.277	272.771.400
Viện Dầu khí Việt Nam	253.724.771	7.503.562.745
Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty:		
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	4.160.144.555	3.173.651.547
	<u>4.160.144.555</u>	<u>3.173.651.547</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	606.498.912	55.514.003
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.573.973.164	2.281.890.063
Trả trước nhà cung cấp		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.907.788.000	30.878.470.020
Phải trả nhà cung cấp		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	463.118.352	358.479.066
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.661.253.861	14.858.560.200
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	-	80.074.968
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	159.486.756	46.069.914
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Văn	-	14.652.000
Phải trả khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.147.503.234	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

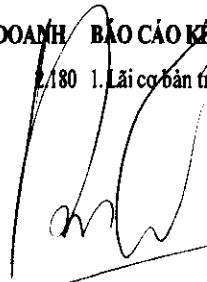
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH Toàn Xuân	2.250.000	189.700.000
Công ty TNHH Hồng Thành	8.030.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	92.931.375	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	360.000.000	-
Công ty TNHH Bằng Tuyên	108.921.500	287.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	340.958.628	60.096.903
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	398.040.220	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Nam	68.049.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	10.230.000	356.400.000

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

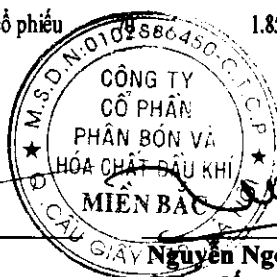
Một số số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
		VND			VND	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I Nguồn vốn			I Nguồn vốn			
1. Quỹ đầu tư phát triển	417	4.297.277.832	1. Quỹ đầu tư phát triển	418	8.999.025.750	Trình bày lại và đổi mã số
2. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.701.747.918	-	420	-	Không có chỉ tiêu tương ứng
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.180	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.853	Thay đổi phương pháp tính	


Nguyễn Tiên Hưng
Người lập biểu


Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc



Ngày 18 tháng 02 năm 2016